

QUESTIONNAIRE FOR ODP APPLICANTS
CÂU HỎI CHO NGƯỜI NỘP ĐƠN

ODP IV / _____

Date: _____
Ngày: 1/14/89

Fill out this questionnaire in English completely as possible. If you cannot read or write in English, fill it out in Vietnamese.

Điền vào số câu hỏi sau đây bằng tiếng Anh càng nhiều càng tốt. Nếu bạn không đọc hoặc viết rành Anh-ngữ thì bằng tiếng Việt.

Mail or send the completed questionnaire to:
Gửi số câu hỏi này tới:
131 Soi Tien Siang
Sathorn Tai Road
Bangkok Thailand
10120

Basic Identification Data/Lý Lịch căn-bản

Name / Họ, tên : NGUYỄN VĂN TRẦN Sex / Giới tính : Male / Nam

Other Names / Họ, tên khác : None / Không

Date/Place of Birth / Ngày/Nơi Sinh : 10-9-1944 Tân Trào, Long An

Residence Address / Địa-chỉ thường-trú : 158-160 Hoàng Diệu Fg, Q4 Hồ Chí Minh City

Mailing Address / Địa-chỉ thư-tử : 141/7 Lý Tu Trong, F11 - Q1 Hồ Chí Minh

Current Occupation / Nghề-nghiep hiện tại : _____

Relatives To Accompany Me/Bà con cùng đi với tôi

NOTE: Your spouse and unmarried children are the only relatives eligible to accompany you. List marital status (MS) as follows: Married (M), Divorced (D), Widowed (W), or Single (S).
Chú ý: Vợ/chồng và con cái có thể cùng đi với bạn mà thôi. Kể khai tình trạng gia-đình như sau: Đã lập gia đình (M), đã ly dị (D), góa phụ/góa thê (W), hoặc độc thân (S)

Name Họ, Tên	Date of Birth Ngày/Tháng/Năm sinh	Place of Birth Nơi sinh	Sex Phái	MS Tình trạng gia đình	Relationship Liên-hệ gia-đình
1.					
2.					
3.					
4.					
5.					
6.					
7.					
8.					
9.					
10.					
11.					
12.					

(NOTE: For the persons listed above, we will need legible copies of birth certificates, marriage certificates (if married), divorce decrees (if divorced), spouse's death certificate (if widowed), identification cards (if available), and photos. If any of the above accompanying relatives do not live with you, please note their addresses in Section I below.)
(Chú ý: Cho mỗi người có tên trên danh sách trên, chúng tôi cần một bản khai-sinh, giấy-thú (nếu lập gia-đình rồi), giấy ly hôn (nếu đã ly dị), giấy khai-tử của vợ/chồng (nếu góa phụ/góa thê), thẻ căn-cứu (nếu có), và hình. Nếu bà con sẽ cùng đi với bạn không chung-ngủ với bạn hiện tại, xin viết địa-chỉ của họ trong phần I.)

C. Relatives Outside Vietnam/Họ Hàng ở Ngoại Quốc

Of Myself/của tôi

Of My Spouse/của vợ/chồng

1. Closest Relative In the U.S.
Bà con thân thuộc nhất ở Hoa-Kỳ

a. Name
Họ, Tên : FRANCIS VO

b. Relationship
Liên-hệ gia-đình : COUSIN

c. Address
Địa-chỉ : Mrs MN

d. Date of Relatives Arrival
in the U.S.
Ngày bà con đến Mỹ : 2/81

2. Closest Relative in Other Foreign Countries
Bà con Thân-thuộc nhất ở các nước khác

a. Name
Họ, tên :

b. Relationship
Liên-hệ gia-đình :

c. Address
Địa-chỉ :

D. Complete Family Listing (Living/Dead)/Danh Sách Toàn-Thể Gia-Đình (Sống/Chết)

1. Father
Cha : Nguyễn Văn Hùng
2. Mother
Mẹ : Lê Thị Thôi (D)
3. Spouse
Vợ/Chồng:
4. Former Spouse (if any)
Vợ/Chồng trước (nếu có):

5. Children
Con cái: (1)
(2)
(3)
(4)
(5)
(6)
(7)
(8)
(9)

6. Siblings
Anh chị em: (1)
(2)
(3)
(4)
(5)
(6)
(7)
(8)
(9)

Employment by U.S. Government Agencies or Other U.S. Organization of you or your Spouse/Ban hoặc vợ/chồng đã có làm việc cho công-sở của chính-phủ Mỹ hoặc hãng Mỹ

1. Employee Name
Tên họ nhân-viên : _____

Position title
Chức-vụ : _____

Agency/Company/Office
Sở/Hang/Văn-Phòng : _____

Length of Employment From: To:
Thời-gian làm-việc Từ Đến _____

Name of American Supervisor
Tên họ giám-thị Mỹ: _____

Reason for Separation
Lý do nghỉ-việc : _____
2. Employee Name
Tên họ nhân-viên : _____

Position title
Chức-vụ : _____

Agency/Company/Office
Sở/Hang/Văn-Phòng : _____

Length of Employment From: To:
Thời-gian làm-việc Từ Đến _____

Name of American Supervisor
Tên họ giám-thị Mỹ: _____

Reason for Separation
Lý-do nghỉ-việc : _____
3. Employee Name
Tên họ nhân-viên : _____

Position title
Chức-vụ : _____

Agency/Company/Office
Sở/Hang/Văn-Phòng : _____

Length of Employment From: To:
Thời gian làm việc Từ Đến _____

Name of American Supervisor
Tên họ giám-thị Mỹ: _____

Reason for Separation
Lý do nghỉ-việc : _____

F. Service with GVN or RVNAF By You Or Your Spouse/Ban hoặc Vợ/Chồng đã Công-dụng với Chính-phủ Việt-Nam

1. Name of Person Serving
Họ tên người tham-gia: Nguyễn Văn Tron
2. Dates: From: To:
Ngày, tháng, năm Từ Đến 6-1965 9-1969
3. Last Rank
Cấp-bậc cuối-cùng : Đại úy Serial Number:
Số thẻ nhân-viên: _____
4. Ministry/Office/Military Unit
Bộ/sở/Đơn-Vị Binh-Chúng : Central Police
5. Name of Supervisor/C.O.
Họ tên người giám-thị/sĩ-quan
chỉ-huy : Trang n Tân

6. Reason for Separation :
Lý do nghỉ việc :

7. Names of American Advisor(s):
Họ tên cố-vấn Mỹ :

8. U.S. Training Courses in Vietnam:
Chương-Trình huấn-luyện Hoa-Kỳ
tại Việt-Nam :

9. U.S. Awards or Certificates

Name of award:

Phân-thưởng hoặc giấy khen:

Date received:

Ngày nhận:

(NOTE: Please attach any copies of diplomas, awards or certificates, if available. Available? Yes ☐ No ☐.)

(CHÚ-Y: Xin bạn kèm theo bất cứ văn-bằng, giấy ban-khen, hoặc chứng-thủ nếu có. Đồng sự có không? Có ☐ Không ☐.)

G. Training Outside Vietnam of You or Your Spouse/Bạn hoặc Vợ/chồng đã huấn-luyện ở ngoại quốc

1. Name of Student/Trainee:
Họ tên Sinh-viên/người được huấn-luyện:

2. School and School Address :
Trường và địa-chỉ nhà trường :

3. Dates:
Ngày, tháng, năm

From
Từ:

To
Tới:

4. Description of Courses :
Mô-tả ngành học :

5. Who paid for training? :
Ai đài-tho chương-trình huấn-luyện? :

(NOTE: Please attach copies of diplomas or orders, if available. Available? Yes ☐ No ☐.)
(CHÚ-Y: Xin bạn kèm theo văn-bằng, hoặc chỉ thị nếu có. Bạn có hay không? Có ☐ Không ☐.)

H. Re-education of You or Your Spouse/Bạn hoặc vợ/chồng đã học-tập cải-tạo

1. Name of Person in Reeducation:
Họ tên người đi học-tập cải-tạo :

2. Time in Reeducation: From:
Thời gian học-tập Từ:

To:
Tới:

3. Still in Reeducation?* Yes
Vẫn còn học-tập cải-tạo?* Có

No

Không

*(If released, we must have a copy of your release certificate.)

*(Nếu được thả, chúng tôi cần một bản sao giấy ra trại.)

I. Any Additional Remarks?/Ghi chú phụ-thuộc

Signature

Ký tên :

Date

Ngày:

J. Please List Here All

Xin nêu ra tất-cả giấy

Attached to This Questionnaire

với số câu hỏi này

ĐƠN NỘ VU
Số 856

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Tự do - Hạnh phúc

Đã có 001-04.70.000
hàng theo công văn số
240 ngày 27 tháng
năm 1983

0 0 0 6 8 0 2 1 8

SHSLD

GIA RA TRAI

CÔNG AN TP. HỒ CHÍ MINH
ĐÃ TRÌNH DIỄN
Số 144
Ngày 18 tháng 10 năm 1983
PHÒNG CS. QUẢN LÝ TTXN

56-BCH/TT ngày 1-1961 của Bộ Nội vụ

01/09

29 09

TORZ

NGUYỄN VĂN TRẦN

Sinh năm 19 44

Long an

428 A Bến hầm tử Quận 5. TP/ HỒ CHÍ MINH

Đại úy cảnh sát sắc phục Bộ chỉ huy cảnh sát thủ đô

06/06/1975

An phạt

TTCT

ngày

tháng

năm

428A Bến hầm tử Quận 5. TP/ HỒ CHÍ MINH

(Quản chế 12 tháng)

Ngày 10

TC

19 83

Nguyễn Văn Tròn

Đã được cấp sổ

Ngày 10 tháng 10 năm 19 83

Đã ký

Nguyễn Văn Tròn

Đã ký: Trịnh Văn Thích

BẢN TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH

(Extrait du registre des actes de naissance)

Làng Nhứt Ninh (Tân-An)

NĂM 1944
(Année)

SỐ HIỆU 60
(Acte No)

(NAM-PHÂN)
(Sud-Vietnam)

Tên, họ đứa con nít (Nom et prénom de l'enfant)	Nguyễn văn Tròn
Nam, nữ (Sexe de l'enfant)	Nam
Sinh ngày nào (Date de naissance)	10-9-1944
Sinh tại chỗ nào (Lieu de naissance)	Nhứt Ninh
Tên, họ cha (Nom et prénom du père)	Nguyễn văn Hiệu
Cha làm nghề gì (Sa profession)	Làm ruộng
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	Nhứt Ninh
Tên, họ mẹ (Nom et prénom de la mère)	Võ thị Thời
Mẹ làm nghề gì (Sa pro'ession)	Làm ruộng
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	Nhứt Ninh
Vợ chánh hay thứ (Son rang de femme mariée)	Vợ chánh

Chúng tôi, Trương kim Thạch
(Nous)

Chánh-án Toà Long-An
(Président du Tribunal)

chứng cho hợp-pháp chữ ký tên của
(Certifions l'authenticité de la signature de)

Ông Ông Văn Thành
(M.)

Chánh Lục-sự Toà-án sở tại.
(Greffier en Chef dudit Tribunal).

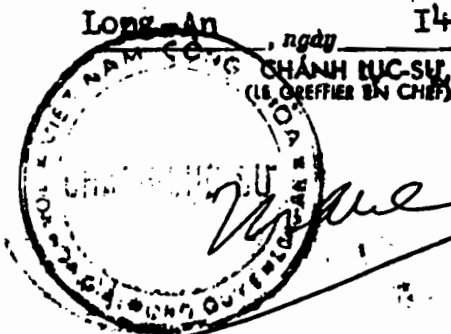
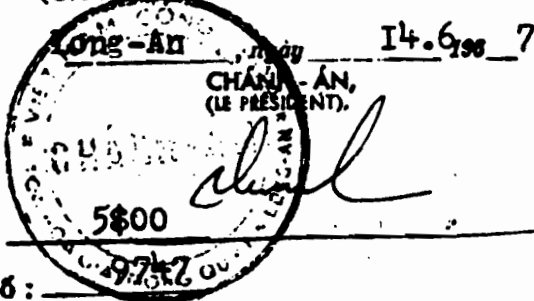
Trích y bản chánh
(Pour extrait conforme),

Long-An

ngày

14.6.

1947



Giá tiền:

(Cost)

Biên-lai số:

(Quittance No)

NHỮNG NGƯỜI THƯỜNG TRÚ TRONG HỘ

[illegible]

THAY ĐỔI CHỖ Ở CẢ HỘ

Chứng nhận đã chuyển đến ở :
 Từ ngày tháng năm
 Ký tên, đóng dấu

Chứng nhận đã chuyển đến ở :
 Từ ngày tháng năm
 Ký tên, đóng dấu

Chứng nhận đã chuyển đến ở :
 Từ ngày tháng năm
 Ký tên, đóng dấu

Chứng nhận đã chuyển đến ở :
 Từ ngày tháng năm
 Ký tên, đóng dấu

NHỮNG THAY ĐỔI KHÁC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
 Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN HỘ KHẨU THƯỜNG TRÚ

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Số : 411578...CN

Họ và tên chủ hộ : NGUYỄN VĂN THIỀU

Ấp, ngõ, số nhà : 158...160

Thị trấn, đường phố : Hoàng Diệu

Xã, phường : Chin

Huyện, quận : Tr

Ngày 10 tháng 3 năm 1982

Trưởng ban chấp hành Tr
 (Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)



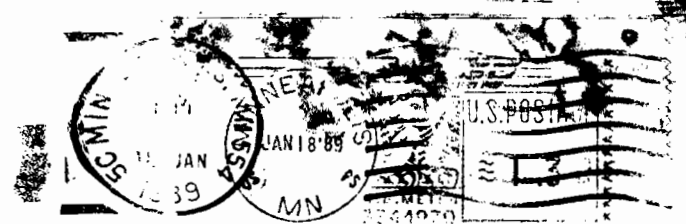
Số NK 3

Nguyễn Văn Thiều

François VO

MPLS, MN 55413

JAN 23



Hội Gia đình Tự Nhân chính Trị V.N.

P.O. BOX 5435

ARLINGTON, VA 22205

C O N T R O L

____ Card
-x- Doc. Request; Form 06/10/89
____ Release Order
____ Computer
____ Form "D"
____ ODP/Date _____
____ Membership; Letter